

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2012/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 06 tháng 4 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 34/STP-KTTDTHPL ngày 28 tháng 02 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2673/2009/QĐ-UBND ngày 02/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Thường trực HĐND và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Hương Thủy, Hương Trà, thành phố Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH****Ngô Hòa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 4 năm 2012 của UBND tỉnh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc kiểm tra, tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là văn bản) và xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà, thành phố Huế (sau đây gọi tắt là cấp huyện); Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là cấp xã) ban hành.

Điều 2. Đối tượng kiểm tra

Văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, gồm:

1. Văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành.
2. Văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành.
3. Văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật, văn bản có thể thức không phải là văn bản quy phạm pháp luật nhưng có chứa quy phạm pháp luật do Thường trực Hội đồng nhân dân và các cơ quan của Hội đồng nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được tổ chức ở cấp tỉnh, cấp huyện ban hành (bao gồm cả văn bản có thể thức và nội dung như trên được ký thừa lệnh) khi nhận được yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân và của cơ quan thông tin đại chúng hoặc trong trường hợp do cán bộ, công chức cơ quan kiểm tra văn bản tự phát hiện trong quá trình kiểm tra văn bản.
4. Văn bản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc các cá nhân khác ở cấp xã ban hành có chứa quy phạm pháp luật.

Điều 3. Mục đích kiểm tra văn bản

Việc kiểm tra văn bản được tiến hành nhằm phát hiện những nội dung trái pháp luật của văn bản để kịp thời đình chỉ việc thi hành, hủy bỏ, bãi bỏ, bảo đảm tính hợp

hiển, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật, đồng thời, kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xác định trách nhiệm của cơ quan, người đã ban hành văn bản trái pháp luật, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Điều 4. Nội dung kiểm tra văn bản

Nội dung kiểm tra văn bản là việc xem xét, đánh giá và kết luận về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản theo các nội dung được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004 (sau đây gọi tắt là Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân).

Văn bản hợp hiến, hợp pháp là văn bản bảo đảm đủ các điều kiện sau đây:

1. Ban hành đúng căn cứ pháp lý.
2. Ban hành đúng thẩm quyền.
3. Nội dung của văn bản phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Văn bản được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thể thức và kỹ thuật trình bày theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc kiểm tra văn bản, xử lý văn bản trái pháp luật

1. Việc kiểm tra văn bản, xử lý văn bản trái pháp luật được tiến hành thường xuyên, toàn diện, kịp thời; khách quan, công khai, minh bạch; đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; kết hợp giữa việc kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền với việc tự kiểm tra của cơ quan ban hành văn bản, bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan.

2. Nghiêm cấm các cơ quan, tổ chức, cá nhân lợi dụng việc kiểm tra văn bản vì mục đích vụ lợi, gây khó khăn cho hoạt động bình thường của cơ quan, người đã ban hành văn bản và can thiệp vào quá trình xử lý văn bản trái pháp luật.

3. Sau khi kiểm tra, cơ quan kiểm tra văn bản phải có kết luận về việc kiểm tra và thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản được kiểm tra theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan, người có thẩm quyền xử lý văn bản chịu trách nhiệm về kết luận kiểm tra, xử lý của mình; nếu quyết định xử lý trái pháp luật thì phải khắc phục hậu quả pháp lý do quyết định đó gây ra.

Điều 6. Phương thức kiểm tra văn bản

Việc kiểm tra văn bản được tiến hành bằng các phương thức sau:

1. Kiểm tra văn bản do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản gửi đến.
2. Kiểm tra văn bản khi nhận được yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp.
3. Kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn (tại cơ quan ban hành văn bản) hoặc theo ngành, lĩnh vực.

Điều 7. Biện pháp xử lý đối với cơ quan, người đã ban hành văn bản trái pháp luật

Căn cứ vào nội dung trái pháp luật của văn bản và mức độ thiệt hại trên thực tế do văn bản trái pháp luật gây ra, cơ quan kiểm tra văn bản có thẩm quyền kiến nghị cơ quan, người đã ban hành văn bản trái pháp luật kịp thời áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do việc ban hành và thực hiện văn bản trái pháp luật đó gây ra; kiến nghị, cơ quan, người có thẩm quyền xác định hình thức, mức độ xử lý theo quy định của pháp luật về trách nhiệm kỷ luật, trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật đối với cơ quan, người đã ban hành văn bản trái pháp luật đó.

Chương II**THẨM QUYỀN, THỦ TỤC TỰ KIỂM TRA VĂN BẢN****Điều 8. Trách nhiệm tự kiểm tra văn bản**

Ủy ban nhân dân các cấp và Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã phải tự kiểm tra văn bản do mình ban hành. Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện và công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân các cấp và Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện việc tự kiểm tra văn bản. Các đơn vị, cơ quan có liên quan có trách nhiệm kịp thời cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết và phối hợp với Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã trong việc tự kiểm tra văn bản.

Điều 9. Xử lý văn bản trái pháp luật qua việc tự kiểm tra

Khi thực hiện việc tự kiểm tra văn bản, phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì cơ quan tư pháp, công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã có trách nhiệm lập hồ sơ kiểm tra văn bản và báo cáo ngay với cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó để xem xét, thực hiện việc tự kiểm tra, xử lý theo quy định của Điều 12 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 40/2010/NĐ-CP).

Chương III**THẨM QUYỀN, THỦ TỤC KIỂM TRA VĂN BẢN,
XỬ LÝ VĂN BẢN****Điều 10. Thẩm quyền kiểm tra văn bản**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức kiểm tra văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

Giám đốc Sở Tư pháp giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc kiểm tra văn bản và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh uỷ quyền ra Quyết định thành lập các đoàn kiểm tra văn bản.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thực hiện việc kiểm tra văn bản.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý văn bản trái pháp luật

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

1. Đình chỉ việc thi hành và hủy bỏ, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp.
2. Đình chỉ việc thi hành nghị quyết trái pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp và đề nghị Hội đồng nhân dân cấp mình hủy bỏ hoặc bãi bỏ.

Điều 12. Thời gian gửi văn bản đến cơ quan kiểm tra

Trong thời hạn chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày ký ban hành, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi văn bản đến cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản theo quy định sau đây:

1. Văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đến Sở Tư pháp.
2. Văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đến Phòng Tư pháp.

Điều 13. Thủ tục kiểm tra, thời hạn xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật

1. Khi kiểm tra, phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện thông báo để cơ quan đã ban hành văn bản tự kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo về việc văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, cơ quan, người đã ban hành văn bản phải tổ chức tự kiểm tra, xử lý văn bản đó và thông báo kết quả xử lý cho cơ quan kiểm tra văn bản.

Việc Hội đồng nhân dân xử lý nghị quyết do mình ban hành có dấu hiệu trái pháp luật phải được tiến hành tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

3. Hết thời hạn xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều này, nếu cơ quan, người đã ban hành văn bản có dấu hiệu trái pháp luật không tự kiểm tra xử lý, hoặc cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xử lý văn bản không nhất trí với kết quả xử lý của cơ quan, người đã ban hành văn bản thì trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với văn bản đó phải báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền cấp trên trực tiếp xem xét, xử lý theo quy định.

Điều 14. Công bố việc xử lý văn bản trái pháp luật

Chậm nhất là sau 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định xử lý, kết quả xử lý văn bản trái pháp luật phải được công bố theo quy định sau:

1. Kết quả tự xử lý văn bản trái pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành phải được công bố công khai, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng và phải được đăng công báo do Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xuất bản, đăng trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh. Kết quả xử lý văn bản trái pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tự kiểm tra văn bản do mình ban hành phải được niêm yết theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

2. Kết quả xử lý văn bản trái pháp luật đối với văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành phải được niêm yết tại trụ sở cơ quan

ban hành hoặc địa điểm khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

3. Riêng những văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành đã được đăng trên Công báo do Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xuất bản mà có nội dung trái pháp luật, bị Hội đồng nhân dân tỉnh ra Nghị quyết xử lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định xử lý thì văn bản xử lý của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải được đăng trên Công báo do Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xuất bản.

4. Đối với các văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật; văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, người không có thẩm quyền ban hành, thì kết quả xử lý phải được gửi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân mà trước đó văn bản đã được gửi. Nếu kết quả đó đã được đăng trên công báo, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tin trên trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành hoặc niêm yết thì kết quả xử lý cũng phải được công khai đăng, đưa tin trên các phương tiện thông tin đó.

Chương IV

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA CƠ QUAN, NGƯỜI CÓ VĂN BẢN ĐƯỢC KIỂM TRA

Điều 15. Nghĩa vụ của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản có văn bản được kiểm tra

1. Gửi văn bản đã ban hành đến cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra theo quy định; cung cấp thông tin và tài liệu cần thiết cho cơ quan có thẩm quyền kiểm tra văn bản.

2. Thực hiện việc đăng công báo, niêm yết, đưa tin các văn bản quy phạm pháp luật đã được xử lý trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

3. Giải trình về nội dung theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản.

4. Kịp thời tổ chức tự kiểm tra văn bản để phát hiện và xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Quy chế này.

5. Thông báo về việc xử lý văn bản trái pháp luật cho cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản.

6. Tạo điều kiện cho cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản thực hiện nhiệm vụ kiểm tra văn bản.

7. Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp huyện, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

Điều 16. Quyền của cơ quan, người có văn bản được kiểm tra

1. Được thông báo về kế hoạch, nội dung kiểm tra, nội dung được yêu cầu ít nhất trước 10 ngày.

2. Trình bày ý kiến liên quan đến nội dung văn bản được kiểm tra.

3. Từ chối trả lời, cung cấp thông tin không thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình hoặc những thông tin thuộc bí mật Nhà nước không được phép cung cấp theo quy định của pháp luật.

4. Giải trình và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp xem xét lại thông báo, kết luận kiểm tra của cơ quan kiểm tra trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hoặc kết luận kiểm tra;

5. Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra, xử lý văn bản vẫn quyết định xử lý theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này thì cơ quan, người có văn bản được kiểm tra có quyền đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý văn bản xem xét lại quyết định xử lý. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị xem xét lại quyết định xử lý, nếu cơ quan, người có thẩm quyền xử lý văn bản không trả lời hoặc cơ quan, người có văn bản được kiểm tra không nhất trí thì cơ quan, người có văn bản được kiểm tra có quyền báo cáo Thủ tướng Chính phủ (nếu cơ quan, người đã xử lý văn bản là Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) hoặc báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu cơ quan, người đã xử lý văn bản là Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Khi thực hiện các quyền quy định tại khoản 4 và 5 Điều này, cơ quan, người có văn bản được kiểm tra cần chứng minh được văn bản do mình ban hành đúng pháp luật và phải chịu trách nhiệm trước cấp trên và trước pháp luật về tính trung thực, đúng đắn trong báo cáo, đề nghị của mình.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT

TRONG CÔNG TÁC KIỂM TRA VĂN BẢN

Điều 17. Những hành vi vi phạm pháp luật trong công tác kiểm tra, xử lý văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản

1. Không tổ chức kiểm tra, xử lý các văn bản thuộc thẩm quyền kiểm tra, xử lý.

2. Không kiểm tra, xử lý văn bản khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc đề nghị, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và các cơ quan thông tin đại chúng.

3. Không xử lý hoặc không báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý văn bản khi phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

4. Ban hành quyết định xử lý trái pháp luật, đưa ra yêu cầu, kiến nghị trái pháp luật đối với cơ quan, người có văn bản được kiểm tra.

5. Kiểm tra, xử lý văn bản không thuộc thẩm quyền kiểm tra, xử lý.

6. Không chuyển cho cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra, xử lý văn bản các văn bản không thuộc thẩm quyền kiểm tra, xử lý của mình.

7. Những hành vi vi phạm pháp luật khác trong quá trình thực hiện các quy định tại Nghị định số 40/2010/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan trong công tác kiểm tra, xử lý văn bản.

Tùy theo tính chất và mức độ của hành vi vi phạm pháp luật về kiểm tra, xử lý văn bản, cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản phải bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Những hành vi vi phạm pháp luật trong công tác kiểm tra, xử lý văn bản của cơ quan, người có văn bản được kiểm tra

1. Không gửi văn bản đã ban hành đến cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra theo quy định; không cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản.

2. Không thực hiện việc đăng công báo, niêm yết, đưa tin các văn bản quy phạm pháp luật đã được xử lý trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

3. Không tổ chức tự kiểm tra để phát hiện, xử lý văn bản trái pháp luật do mình ban hành.

4. Không tổ chức tự kiểm tra, xử lý văn bản khi có yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra hoặc yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cơ quan thông tin đại chúng và cá nhân.

5. Có hành vi cản trở, gây khó khăn cho cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra trong quá trình kiểm tra văn bản.

6. Báo cáo sai sự thật khi thực hiện các quyền quy định tại các khoản 4 và 5 Điều 16 của Quy chế này.

7. Không thực hiện những quyết định, yêu cầu, kiến nghị xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra đối với văn bản trái pháp luật do mình ban hành.

8. Những hành vi vi phạm pháp luật khác trong quá trình thực hiện các quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật khác có liên quan trong công tác kiểm tra, xử lý văn bản.

Tùy theo tính chất và mức độ của hành vi vi phạm pháp luật về kiểm tra, xử lý văn bản, cơ quan, người có văn bản được kiểm tra phải bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Kinh phí cấp cho công tác kiểm tra

Sở Tài chính và Phòng Kế hoạch Tài chính các huyện, thị xã Hương Thủy, Hương Trà, thành phố Huế có trách nhiệm tham mưu cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp cấp đủ kinh phí phục vụ cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Sở Tư pháp và các Phòng Tư pháp cấp huyện ngoài kinh phí bảo đảm cho hoạt động thường xuyên theo quy định còn được ngân sách Nhà nước cấp kinh phí để thực hiện công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Hàng năm, căn cứ vào yêu cầu công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp, các phòng Tư pháp cấp huyện lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật tổng hợp chung vào dự toán ngân sách chi thường xuyên hàng năm gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

Ngoài các nhiệm vụ được quy định trong Quy chế này, Sở Tư pháp còn có trách nhiệm:

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý Nhà nước đối với công tác kiểm tra và xử lý văn bản quy định tại Điều 36 Nghị định 40/2010/NĐ-CP.
2. Hướng dẫn, theo dõi và đôn đốc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Hương Thủy, Hương Trà, thành phố Huế trong việc thực hiện Quy chế này.
3. Định kỳ hàng năm tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, xử lý văn bản./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Hòa